

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	2
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	2
1. Mục đích	2
2. Yêu cầu	3
III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	3
IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	4
1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022	4
2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	4
V. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	5
1. Bổ sung công trình, dự án kế hoạch sử dụng đất năm 2022	5
2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	6
2.1. Đất nông nghiệp	8
2.2. Đất phi nông nghiệp.....	8
3. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	10
4. Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi đất trong năm 2022	12
5. Danh mục các công trình, dự án bổ sung phải thu hồi đất trong năm 2022	13
VI. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	13
2.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	13
2.1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất	13
2.1.2. Giải pháp về bảo vệ bảo vệ môi trường	13
2.2. Giải pháp về nguồn lực	14
2.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	14
2.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện	14
2.3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất.....	15
2.4. Giải pháp khác	16
2.4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ.....	16
2.4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ	16
2.4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án.....	16
VII. KẾT LUẬN.....	17

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm”; đồng thời tại khoản 1 Điều 52 quy định: căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện các quy định trên, UBND huyện Nhơn Trạch đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện và đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

Tuy nhiên, kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nhơn Trạch được lập trên cơ sở Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện (được phê duyệt tại Quyết định số 4696/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai), đến nay quy hoạch này đã hết hiệu lực.

Hiện nay, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Nhơn Trạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Trong đó, một số dự án, công trình quan trọng của huyện để phục vụ phát triển kinh tế xã hội cần bổ sung đề thực hiện trong năm 2022;

Đồng thời, ngày 15/4/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 tỉnh Đồng Nai, trong đó có 02 công trình thuộc huyện Nhơn Trạch.

Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai có nội dung: “... khẩn trương lập hồ sơ bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định...”.

Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022, từng bước hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025 đã đề ra, việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cần bổ sung trong năm 2022, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình bổ sung theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013;

- Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2020-2025 của huyện đã đề ra; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.

2. Yêu cầu

- Việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Các dự án, công trình bổ sung phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 5384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nhơn Trạch;
- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Nhơn Trạch;
- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Theo báo cáo kết quả thực hiện các dự án trong 6 tháng đầu năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, các dự án trên địa bàn huyện hiện nay đa số đều đang triển khai thực hiện các bước đầu tiên như đo đạc, cắm mốc, xuất hồ sơ kỹ thuật thửa đất, do đó chưa thể đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 2022 của huyện theo chỉ tiêu đã được phê duyệt tại Quyết định số 5384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nhơn Trạch.

Đối với chỉ tiêu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân bao gồm: đất trồng lúa chuyển đất trồng cây lâu năm đã chuyển được 17,52 ha/ 25 ha đạt 69% chỉ tiêu duyệt. Đất nông nghiệp chuyển qua đất ở đã chuyển được 3,1 ha/ 30 ha đạt 10,33% chỉ tiêu duyệt. Đất trồng lúa (1 vụ và hai vụ) chuyển qua đất ở đã chuyển được 0,32 ha/ 5,5 ha đạt 5,8% chỉ tiêu duyệt.

2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nhơn Trạch được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 5384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

Thực tế, để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: thỏa thuận địa điểm để lập dự án; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện hoàn thành và đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai là phù hợp với thực tiễn.

Bảng 1: Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trong 6 tháng đầu năm 2022

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số dự án 2022	Tổng Diện tích (ha)	Trong đó			
				Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)

Stt	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng số dự án 2022	Tổng Diện tích (ha)	Trong đó			
				Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Đất phi nông nghiệp	194	5.465,63	125	3.714,68	64,43	67,96
	Trong đó:						
1	Đất quốc phòng	1	0,20	-	-	-	-
2	Đất an ninh	1	5,00	1	5,00	100,0	100,0
3	Đất khu công nghiệp	1	200,00	1	100,64	100,0	50,32
4	Đất cụm công nghiệp	1	4,00	-	-	-	-
5	Đất thương mại, dịch vụ	6	602,29	2	550,07	33,33	91,33
6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	-	-	-	-	-	-
7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	104	1.265,12	73	641,69	70,19	50,72
	Trong đó:						
	- Đất giao thông	41	1.164,54	18	556,69	43,9	47,71
	- Đất thủy lợi	10	42,46	7	31,20	70,0	73,48
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	4	3,01	4	3,01	100,0	100,00
	- Đất cơ sở y tế	2	5,20	2	5,20	100,0	100,00
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	21	16,84	19	14,53	90,5	86,28
	- Đất công trình năng lượng	13	13,64	11	13,39	84,6	98,17
	- Đất cơ sở tôn giáo	11	7,54	10	5,78	90,9	76,65
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1	8,84	1	8,84	100,0	100,00
	- Đất chợ	1	3,05	1	3,05	100,0	100,00
8	Đất sinh hoạt cộng đồng	6	0,24	3	0,12	50,0	50,00
9	Đất ở tại đô thị	2	271,45	2	271,45	100,0	100,00
10	Đất ở tại nông thôn	69	3.116,50	41	2.145,08	59,4	68,83
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2	0,76	1	0,56	50,0	73,68
12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,07	1	0,07	100,0	100,00
	Tổng	194	5.465,63	125	3.714,68	64,43	67,96

V. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

1. Bổ sung công trình, dự án kế hoạch sử dụng đất năm 2022

1.1. Bổ sung công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

- **Đất giao thông:** 01 dự án/8,51 ha.

Dự án Cầu Phước An kết nối với tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu diện tích 8,51 ha đăng ký bổ sung theo đề xuất của BQLDA tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Dự án nằm trong Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đồng thời ngày 14 tháng 01 năm 2022, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành văn bản số 490/UBND-KTNS về việc tham mưu ý kiến về khung chính

sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án cầu Phước An đoạn qua huyện Nhơn Trạch.

- **Đất thủy lợi:** 01 dự án/16,42 ha trong đó diện tích hiện trạng 13,11 ha.

Dự án Kiên cố hoá kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C) đã được bố trí vốn và ngày 24 tháng 11 năm 2021 UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 4780/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án.

1.2. Bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất

- **Đất Quốc phòng:** 01 dự án/5,0 ha

Bổ sung dự án trụ sở làm việc của ban chỉ huy quân sự huyện Nhơn Trạch diện tích 5,0 ha, vị trí nằm trên địa bàn xã Phước An.

- **Đất cơ sở y tế:** 01 dự án/ 5 ha.

Bổ sung dự án xây dựng trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch tại vị trí đất công của huyện. Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 5342/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự án xây mới trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch.

2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở các dự án, công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 5384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; các dự án, công trình đề xuất bổ sung. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nhơn Trạch như sau:

Bảng 02: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo QĐ 5384/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) , giảm (-)
I	Diện tích tự nhiên	37.677,89	37.677,89	-
1	Đất nông nghiệp	20.218,06	20.204,29	-13,77
1.1	Đất trồng lúa	2.370,87	2.369,97	-0,90
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>2.213,83</i>	<i>2.212,93</i>	<i>-0,90</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.704,82	4.706,67	1,85
1.3	Đất trồng cây lâu năm	7.213,96	7.203,28	-10,68
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.168,80	4.164,80	-4,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	1.755,41	1.755,37	-0,04
1.6	Đất nông nghiệp khác	4,20	4,20	-
2	Đất phi nông nghiệp	17.459,83	17.473,60	13,77
2.1	Đất quốc phòng	590,01	595,01	5,00

Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo QĐ 5384/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
2.2	Đất an ninh	14,45	14,45	-
2.3	Đất khu công nghiệp	3.319,80	3.319,80	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	91,43	91,43	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	537,78	537,78	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	180,65	180,65	-
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	2,74	2,74	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.540,56	3.557,32	16,76
	Trong đó:			
	- Đất giao thông	2.637,16	2.644,79	7,63
	- Đất thủy lợi	162,13	166,27	4,14
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	43,47	43,47	-
	- Đất cơ sở y tế	17,56	22,56	5,00
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	328,15	328,15	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	31,46	31,46	-
	- Đất công trình năng lượng	84,65	84,65	-
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,32	2,32	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	7,65	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	0,12	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	34,85	34,85	-
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	92,95	92,95	-
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	0,01	0,01	-
	- Đất chợ	6,08	6,08	-
	- Đất công trình công cộng khác	92,00	92,00	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,98	3,98	-
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	319,74	319,74	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	2.863,15	2.863,13	-0,02
2.12	Đất ở tại đô thị	251,38	251,37	-0,01
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	19,60	19,60	-
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	38,01	38,01	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,43	16,43	-0,004
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.633,84	5.625,88	-7,96
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	36,28	36,28	-

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo QĐ 5384/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-

(Chi tiết chỉ tiêu theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 01/CH)

2.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 20.204,29 ha. So với kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 13,77 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện 04 dự án phi nông nghiệp, Cụ thể

- **Đất trồng lúa:** diện tích điều chỉnh kế hoạch đến năm 2022 là 2.369,97 ha, giảm 0,90 ha so với kế hoạch được duyệt. Diện tích giảm do thực hiện dự án Kiên cố hoá kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C).

Trong đó, **đất chuyên trồng lúa nước:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch 2022 có diện tích 2.212,93 ha giảm 0,90 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** diện tích điều chỉnh kế hoạch là 4.706,67 ha, tăng 1,85 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây lâu năm:** điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 7.203,28 ha, giảm 10,68 ha so với kế hoạch được duyệt. Do thực hiện các công trình gồm trụ sở làm việc của BCHQS huyện, trung tâm y tế huyện và dự án Kiên cố hoá kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C).

- **Đất rừng phòng hộ:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 4.164,80 ha, giảm 4,0 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án Cầu Phước An kết nối với tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 1.755,37 ha, giảm 0,04 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nông nghiệp khác:** điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 là 4,20 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

2.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 đất phi nông nghiệp có diện tích 17.473,60 ha tăng 13,77 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu năm 2022 là 595,01 ha, tăng 5 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện công trình trụ sở làm việc của BCHQS huyện Nhơn Trạch theo đề xuất của Bộ Quốc phòng tại văn bản số 581/BQP-TM ngày 01/3/2022 về việc xin hoán đổi đất quốc phòng BCHQS huyện Nhơn Trạch.

- **Đất an ninh:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 14,45 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 3.319,80 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cụm công nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 91,43 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** chỉ tiêu diện tích năm 2022 là 537,78 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 180,65 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2022 là 2,74 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Diện tích điều chỉnh kế hoạch đến năm 2022 là 3.557,32 ha. Tăng 16,76 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** kế hoạch năm 2022 diện tích là 2.644,79 ha, tăng 7,63 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất thủy lợi:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 166,27 ha, tăng 4,14 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** chỉ tiêu kế hoạch đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2022 là 43,47 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** diện tích kế hoạch đến năm 2022 là 22,56 ha, tăng 5,0 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt để thực hiện công trình trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đến năm 2022 là 328,15 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** diện tích kế hoạch năm 2022 là 31,46 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất công trình năng lượng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 84,65 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** so với kế hoạch được duyệt đất công trình bưu chính viễn thông ổn định với diện tích 2,32 ha.

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** diện tích năm 2022 là 7,65 ha, ổn định so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 0,12 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** diện tích kế hoạch đến năm 2022 diện tích đất tôn giáo là 34,85 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 92,95 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất cơ sở khoa học công nghệ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 0,01 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất chợ:** so với kế hoạch được duyệt thì đất chợ ổn định với diện tích 6,08 ha trong chỉ tiêu kế hoạch 2022.

+ **Đất công trình công cộng khác:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 92,0 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** kế hoạch năm 2022 là 3,98 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 319,74 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** kế hoạch năm 2022, diện tích là 2.863,13 ha giảm 0,02 ha với kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 251,37 ha giảm 0,01 ha với kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** kế hoạch năm 2022 là 19,60 ha giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** chỉ tiêu diện tích năm 2022 là 38,01 ha giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích đến năm 2022 là 16,43 ha, giảm 0,004 ha so kế hoạch được duyệt.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** kế hoạch đến năm 2022 là 5.625,88 ha, giảm 7,96 ha với kế hoạch được duyệt.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích đến năm 2022 là 36,28 ha giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

3. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

3.1. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng

Bảng 03: Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo QĐ 5384/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	2.611,50	2.625,27	13,77
1.1	Đất trồng lúa	1.035,98	1.036,88	0,90
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.018,15</i>	<i>1.019,05</i>	<i>0,90</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	447,65	445,80	-1,85
1.3	Đất trồng cây lâu năm	834,68	845,36	10,68
1.4	Đất rừng phòng hộ	104,94	108,94	4,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	188,25	188,29	0,04
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	25,00	25,00	-
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	25,00	25,00	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	-	-	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 02/CH kèm theo)

3.2. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

Bảng 04: Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo QĐ 5384/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	3.166,29	3.182,67	16,38
1.1	Đất trồng lúa	1.402,76	1.405,10	2,34
	<i>Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước</i>	<i>1.352,49</i>	<i>1.354,73</i>	<i>2,24</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	554,02	554,02	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	891,84	901,84	10,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	104,94	108,94	4,00
1.5	Đất rừng sản xuất	37,44	37,44	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	175,29	175,33	0,04
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	25,00	-	-
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	25,00	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	104,09	-	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại biểu 02A/CH kèm theo)

3.3. Bổ sung Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2022

Trên cơ sở bổ sung kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2022, rà soát với bản đồ địa chính xác định trên địa bàn huyện Nhơn Trạch có 02 dự án/24,94 ha. Trong đó có sử dụng đất trồng lúa 1,67 ha và 4,0 ha đất rừng phòng hộ.

Bảng 05: Bổ sung dự án có sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ (ha)
1	Kiên cố hóa kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ	16,42	2,35	-
2	Đường và cầu Phước An kết nối tỉnh BRVT	Phước An	8,51	-	4,0

Tổng cộng	24,93	2,35	4,0
------------------	--------------	-------------	------------

Cụ thể:

- **Đất giao thông:** 01 dự án/8,51 ha dự án Đường và cầu Phước An kết nối tỉnh BRVT trong đó sử dụng 4,0 ha đất rừng phòng hộ.

- **Đất thủy lợi:** 01 dự án/16,42 ha dự án Kiên cố hóa kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tô đến đường 25C) trong đó sử dụng 2,35 ha đất trồng lúa.

4. Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi đất trong năm 2022

Bảng 06: Điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2022

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo QĐ 5384/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	1.953,25	1.959,54	6,29
1.1	Đất trồng lúa	788,31	790,66	2,35
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>758,91</i>	<i>761,15</i>	<i>2,24</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	397,48	397,70	0,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	665,98	666,66	0,68
1.4	Đất rừng phòng hộ	3,97	7,97	4,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	97,51	97,55	0,04
2	Đất phi nông nghiệp	243,30	247,84	4,54
2.1	Đất quốc phòng	-	-	-
2.2	Đất an ninh	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	-	-	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5,67	5,67	-
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,62	0,62	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	111,64	111,64	-
	- Đất giao thông	102,07	102,07	-
	- Đất thủy lợi	1,34	1,34	-
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	-	-	-
	- Đất cơ sở y tế	0,06	0,06	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,29	0,29	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,22	0,22	-
	- Đất công trình năng lượng	0,02	0,02	-
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	7,23	7,23	-
	- Đất chợ	0,41	0,41	-
	- Đất công trình công cộng khác	-	-	-
2.9	Đất ở tại nông thôn	15,30	15,32	0,02
2.10	Đất ở tại đô thị	0,58	0,59	0,01
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-	-	-
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	-	-	-
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	-	-	-
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	109,49	114,00	4,51
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	-	-	-

5. Danh mục các công trình, dự án bổ sung phải thu hồi đất trong năm 2022

Trong số các dự án trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nêu trên thì các dự án sẽ đăng ký thu hồi đất bổ sung theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 Khoản 8, khoản 10, khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP là 02 dự án/24,93 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 10,83 ha. Gồm:

- Dự án Đường và cầu Phước An kết nối tỉnh BRVT, diện tích 8,51 ha thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013.

- Dự án Kiên cố hóa kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C) diện tích 16,42 ha thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013.

VI. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

2.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

2.1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất;

- Xác định diện tích rừng phòng hộ, giao trách nhiệm cho Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích đã được giao; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán trong các khu dân cư, dải cây xanh cách ly, cây xanh công viên và ven đường giao thông.

- Đối với các dự án có sử dụng đất rừng, đất chuyên trồng lúa nước trước khi triển khai thực hiện phải hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; đối với các dự án sử dụng đất chuyên trồng lúa phải thực hiện và hoàn thành phương án sử dụng lớp đất mặt, nộp tiền theo quy định của Luật Trồng trọt; Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

2.1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Tăng cường giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản và khai thác vật liệu xây dựng; giám sát việc thực hiện Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích nông dân

sử dụng các phương pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng phân vô cơ, dùng phân hữu cơ vi sinh làm căn bản trong sản xuất nông nghiệp;

- Khuyến khích thu hút đầu tư các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện; thực hiện nhanh các dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước; xây dựng hệ thống các trạm bơm thu gom nước thải về nơi xử lý tập trung; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý rác, chế biến phân bón vi sinh tại khu vực bãi thải, bãi xử lý chất. Tăng cường thu gom chất thải chuyển về nơi xử lý và tiêu hủy chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong huyện;

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng trên sản phẩm sản xuất, sản xuất thành phẩm, sử dụng ít lao động nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học cho huyện;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường: như khai thác cát trên sông Đồng Nai, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.2. Giải pháp về nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp thị trấn, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

2.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

2.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022, UBND huyện Nhơn Trạch sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

2.3.1.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban, UBND cấp xã có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt chất lượng, hiệu quả;
- Tham mưu UBND huyện thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.
- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.
- Quản lý đất đai chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

2.3.1.2. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trong năm 2022.

2.3.1.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn, xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án công trình theo luật định.
- Triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư, vận động người sử dụng đất thực hiện chuyển mục đích đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích được duyệt.

2.3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện công bố, công khai kịp thời và đúng quy định, để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định;
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thống nhất, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn;
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự

án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyên nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành đối với việc lập kế hoạch sử dụng đất sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển bền vững của địa phương, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

2.4. Giải pháp khác

2.4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự án đô thị, để tiến tới mở rộng không gian đô thị toàn huyện; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Nhơn Trạch như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,...

2.4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Rà soát, tổng hợp và đề xuất với cơ quan cấp tỉnh về những bất cập trong cơ chế, chính sách áp dụng trên địa bàn huyện;

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

VII. KẾT LUẬN

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nhơn Trạch được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành, các xã, thị trấn và được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 với tổng số dự án là 04 dự án/34,94 ha.

Có 02 dự án/ 24,94 ha cần thu hồi đất, theo khoản 3 Điều 62 luật đất đai năm 2013.

Có 01 dự án/16,43 ha sử dụng đất trồng lúa là 2,35 ha.

Có 01 dự án/8,51 ha sử dụng đất rừng phòng hộ là 4,0 ha.

Các dự án đưa vào bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.